**Phiếu số 5/TĐTKT-SNHH**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ SỰ NGHIỆP NGOÀI CÔNG LẬP, HIỆP HỘI VÀ TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ**

**I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

Là các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, đơn vị hiệp hội và các tổ chức phi Chính phủ có trong danh sách bảng kê đơn vị sự nghiệp, hiệp hội.

**II. GIẢI THÍCH CÁC CHỈ TIÊU TRONG PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

Mã số thuế: Là mã số thuế do cơ quan thuế cấp cho đơn vị.

**A. THÔNG TIN CHUNG CỦA ĐƠN VỊ**

**A1. THÔNG TIN ĐỊNH DANH**

Các thông tin về: (1) Tên đơn vị; (2) Địa chỉ của đơn vị: Tỉnh/Thành phố trực thuộc trung ương; huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương; xã/phường/thị trấn và thôn/ấp/bản/tổ dân phố (số nhà, đường phố); (3) Số điện thoại; (4) Email sẽ được hiển thị tự động. Đơn vị kiểm tra các thông tin của đơn vị mình, trường hợp chưa đúng, sửa lại thông tin đúng của đơn vị theo hướng dẫn dưới đây:

**A1.1. Tên đơn vị:** Nhập tên đầy đủ, chính thức theo quyết định thành lập, hoặc các văn bản pháp quy bằng tiếng Việt có dấu.

**A1.2. Địa chỉ của đơn vị**

- Tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: Lựa chọn theo danh sách hiển thị.

- Huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương: Lựa chọn theo danh sách hiển thị.

- Xã/phường/thị trấn: Lựa chọn theo danh sách hiển thị.

- Thôn/ấp/bản/tổ dân phố (số nhà, đường phố): Nhập đầy đủ số nhà, tên đường phố/thôn/xóm/ấp/bản/tổ dân phố.

**A1.3. Số điện thoại:** Nhập số điện thoại giao dịch của đơn vị. Số điện thoại liên hệ có thể là số cố định hoặc số di động.

**A1.4. Email:** Ghi theo email của bộ phận giao dịch và liên lạc đến đơn vị.

**A1.5. Thông tin về người đứng đầu đơn vị:** Nhập họ, tên thủ trưởng/người đứng đầu đơn vị bằng tiếng Việt có dấu.

- Năm sinh: Cung cấp thông tin về năm sinh theo dương lịch. Trường hợp năm sinh trên thực tế khác với năm sinh trên giấy tờ, sử dụng năm sinh theo giấy tờ.

- Dân tộc: Lựa chọn dân tộc theo danh sách hiển thị

+ Nếu là người nước ngoài chọn mục dân tộc là "Nước ngoài"

+ Nếu không biết mình thuộc dân tộc nào chọn mục “Không xác định”

- Quốc tịch: Lựa chọn quốc tịch của người đứng đầu đơn vị theo danh sách hiển thị (nếu có hai quốc tịch trở lên, ghi quốc tịch thường dùng nhất).

- Trình độ chuyên môn:Lựa chọn 01 mã thích hợp, nếu một người có hai bằng trở lên thì ghi theo bằng cao nhất. Trường hợp đang học hoặc đã học xong nhưng chưa được nhận bằng và chưa có chứng nhận thì vẫn phải ghi theo bằng cấp đã có, không được ghi theo bằng chưa được nhận.

+ Một người chỉ được xác định là có trình độ nào đó khi họ có bằng/chứng chỉ hoặc có quyết định công nhận đã đạt được trình độ đó. VD: Một người đã bảo vệ xong luận án tiến sĩ nhưng đang trong thời gian chờ xét duyệt để được lấy bằng, chưa có quyết định về việc được cấp bằng tiến sĩ, thì không xác định họ có bằng tiến sĩ.

+ Người có bằng trung cấp nghề hoặc trung cấp chuyên nghiệp được xác định là có trình độ “Trung cấp”.

+ Người có bằng cao đẳng nghề hoặc cao đẳng chuyên nghiệp được xác định là có trình độ “Cao đẳng”.

+ Bác sĩ chuyên khoa I, chuyên khoa II, bác sĩ nội trú không được quy đổi tương đương trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

+ Người học tập và lấy bằng tốt nghiệp ở nước ngoài, ghi nhận trình độ tương ứng.

+ Người có bằng lái xe ô tô quy đổi tương đương có trình độ sơ cấp.

+ Người được cấp bằng của các trường tôn giáo theo Hệ thống giáo dục quốc dân, ĐTV ghi nhận trình độ tương ứng.

**A1.6. Loại hình đơn vị**

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị để chọn 01 loại hình đơn vị vào ô thích hợp.

- Nếu lựa chọn mã 01. Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập => Chuyển tiếp câu A1.6.1.

Câu A1.6.1 đến A1.6.3: Nhằm mục đích xác định khu vực thể chế của đơn vị sự nghiệp ngoài công lập. Đơn vị xác nhận câu trả lời phù hợp và tích chọn mã trả lời “Có” hoặc “Không”.

- Nếu chọn 01 trong các mã (02, 03, 04) => Chuyển tiếp câu A1.6.4

Câu A1.6.4 đến A1.6.6: Nhằm mục đích xác định khu vực thể chế của các đơn vị hiệp hội. Đơn vị xác nhận câu trả lời phù hợp và tích chọn mã trả lời “Có” hoặc “Không”.

- Nếu chọn mã 05 => Chuyển tiếp câu A1.8

**A1.7. Loại hình tổ chức của đơn vị**

Căn cứ vào loại hình tổ chức của đơn vị sự nghiệp ngoài công lập để lựa chọn 01 lĩnh vực trong 06 lĩnh vực hoạt động được liệt kê.

Tuỳ theo hoạt động của đơn vị đối với mỗi lĩnh vực (giáo dục, đào tạo; y tế; văn hóa, thể thao; thông tin, truyền thông; lưu trú; lĩnh vực khác) chương trình sẽ tự động hiển thị các nội dung để đơn vị cung cấp thêm các thông tin về các chỉ tiêu chuyên ngành tương ứng. Cụ thể như sau:

***1. Lĩnh vực giáo dục và đào tạo***

- *Loại hình đào tạo:* Chọn 01 trong 09 loại hình tổ chức phù hợp nhất của đơn vị.

Đối với đơn vị thuộc loại hình đào tạo “Trường phổ thông liên cấp”, cung cấp thông tin về các cấp học mà đơn vị đang cung cấp dịch vụ bằng cách chọn các thông tin tương ứng. Trường liên cấp là trường học bao gồm các cấp bậc giáo dục từ tiểu học hoặc trung học cơ sở đến đại học. Các trường liên cấp được gọi như vậy vì học sinh thường lên cấp mà không cần phải tham dự các kỳ thi kiểm tra đầu vào.

*-**Phòng học:*

+ Số phòng học theo kế hoạch: Là số lượng phòng học được lập/dự kiến trong kế hoạch của đơn vị đến 31/12/2024.

+ Số phòng học thực tế: Là số lượng phòng học thực tế của đơn vị được sử dụng với mục đích giảng dạy, học tập, thể chất, thí nghiệm, thư viện tại thời điểm 31/12/2024. Trong đó, số phòng học thực tế được chia theo các mức độ như: kiên cố, bán kiên cố, tạm.

+ Phòng học kiên cố: bao gồm các phòng học ở nhà xây nhiều tầng, nhà lắp ghép kết cấu bê tông nhiều tầng, nhà một tầng mái bê tông, niên hạn sử dụng trên 20 năm

+ Phòng học bán kiên cố: gồm các phòng học có chất lượng xây dựng và thời hạn sử dụng thấp so với nhà kiên cố, niên hạn sử dụng từ 10 đến 20 năm.

+ Phòng học bán kiên cố: bao gồm các phòng học ở nhà có tường xây hay ghép gỗ, mái ngói hoặc mái tôn.

+ Phòng học tạm: là các phòng học không thuộc các nhóm trên. Gồm các phòng học ở các nhà có kết cấu vật liệu đơn giản như nhà có vách lá dừa, lá tranh, đất... mái nhà bằng lá dừa, tre, nứa...các loại lều lán, trại và những nơi tận dụng có tính chất tạm thời.

+ Diện tích phòng học thể chất, thư viện, thí nghiệm thực hành: Diện tích thực tế được đơn vị sử dụng với các mục đích nói trên, bao gồm diện tích do đơn vị sở hữu, đi thuê, mượn (tạm thời, có thời hạn...) tại thời điểm 31/12/2024.

*- Số học sinh/sinh viên, giảng viên/giáo viên:*

+ Số giảng viên/giáo viên là toàn bộ số lượng giảng viên/giáo viên của đơn vị, bao gồm giảng viên/giáo viên hợp đồng dài hạn, ngắn hạn... tại thời điểm 31/12/2024 (không bao gồm số giáo viên, giảng viên thuê giảng tạm thời theo tiết học, môn học).

+ Số học sinh/sinh viên là toàn bộ số học sinh/sinh viên của tất cả các hệ đào tạo của đơn vị (chính quy, tại chức, liên kết, liên thông...) tại thời điểm 31/12/2024.

Trong đó, số học sinh/sinh viên nước ngoài thời điểm 31/12/2024: Là số học sinh/sinh viên có quốc tịch nước ngoài của tất cả các hệ đào tạo của đơn vị tại thời điểm 31/12/2014

***Lưu ý:*** Đối với các trường hợp học sinh/sinh viên tạm đình chỉ, đình chỉ có thời hạn, đơn vị vẫn kê khai; không bao gồm các trường hợp: bảo lưu, cho thôi học...

+ Số học sinh/sinh viên nhập học là tổng số học sinh/sinh viên được đơn vị cấp giấy trúng tuyển/giấy báo nhập học và đã đến làm thủ tục nhập học trong năm 2024 của đơn vị (chỉ tiêu này chỉ áp dụng cho các loại hình tổ chức 1.1; 1.2; 1.3; 1.9).

+ Số học sinh/sinh viên tốt nghiệp là tổng số học sinh/sinh viên đã được đơn vị cấp bằng/chứng chỉ/giấy chứng nhận tốt nghiệp trong năm 2024 (chỉ tiêu này chỉ áp dụng cho các loại hình tổ chức 1.1; 1.2; 1.3; 1.9).

***2. Lĩnh vực y tế***

- *Loại hình tổ chức*: Lựa chọn 01 trong 8 loại hình tổ chức phù hợp với đơn vị. Trường hợp chọn mã 8 “Loại hình y tế khác”, phải ghi rõ loại hình mà đơn vị đang thực hiện.

*- Số giường bệnh của cơ sở có tại thời điểm 31/12/2024:*

+ Số giường bệnh theo kế hoạch: Số giường được xây dựng/dự kiến trong kế hoạch của cơ sở y tế hoặc được giao cho các cơ sở khám, chữa bệnh vào thời điểm đầu năm 2024.

+ Số giường bệnh thực tế: Số giường thực tế của cơ sở y tế tại thời điểm 31/12/2024.

*- Số lượt người được khám, chữa bệnh trong năm 2024:*

+ Số lượt người khám bệnh: Là tổng số lượt người bệnh được thầy thuốc thăm khám về lâm sàng hoặc kết hợp với cận lâm sàng nhằm mục đích chẩn đoán bệnh, điều trị. Một người có thể được thăm khám nhiều lần, mỗi lần xác định là một lượt.

***Lưu ý:*** Trường hợp người bệnh điều trị ngoại trú thì lượt khám đầu tiên và các lần khám theo hẹn của y, bác sỹ được tính là một lượt khám bệnh; nếu người bệnh đến phòng khám chỉ để thực hiện các phương pháp điều trị theo chỉ định của các y, bác sỹ thì không tính là lượt khám bệnh.

+ Số lượt bệnh nhân được nằm điều trị nội trú: Là số người bệnh sau khi đã làm các thủ tục nhập viện được vào nằm tại các khoa lâm sàng trong bệnh viện từ 4 tiếng trở lên.

+ Tổng số ngày điều trị nội trú: Ngày điều trị nội trú là một ngày trong đó, người bệnh được làm bệnh án nội trú, được hưởng ít nhất một trong các chế độ: theo dõi, chẩn đoán, điều trị hoặc chăm sóc.

***3. Lĩnh vực văn hóa, thể thao***

Các đơn vị văn hóa/đơn vị thể thao: lựa chọn 01 trong các loại hình hoạt động tương ứng với loại hình tổ chức của đơn vị.

***4. Lĩnh vực thông tin, truyền thông***

Các đơn vị chọn 01 trong 06 loại hình hoạt động tương ứng với loại hình tổ chức của đơn vị.

***5. Lĩnh vực lưu trú***

*- Số lượt khách phục vụ:* Là số lượt người đến thuê buồng (phòng), nghỉ tại cơ sở lưu trú, bao gồm: Số lượt khách thuê buồng (phòng) để ngủ qua đêm và số lượt khách thuê buồng (phòng) nghỉ theo giờ trong ngày (khách không nghỉ qua đêm).

Ví dụ: Khách sạn A trong ngày 1/7/2024 tiếp nhận 2 đoàn khách: Đoàn 1 có 10 người đến nghỉ trong 3 ngày; đoàn 2 có 4 người chỉ đến nghỉ buổi trưa trong 3 giờ. Như vậy, số lượt khách ngày 1/7 mà khách sạn A phục vụ là: 10 khách + 4 khách = 14 khách. Trong đó, chia ra khách trong ngày có 4 khách và khách ngủ qua đêm là 10 khách.

***Lưu ý:***

+ Lượt khách đến thuê buồng/giường tại cơ sở lưu trú không phân biệt lứa tuổi, có nghĩa là những người già và trẻ em đi cùng đều được tính là lượt khách cho mỗi người.

+ Trong năm 2024, nếu một người khách đến thuê phòng nghỉ nhiều lần tại một cơ sở thì mỗi lần đến đều được tính là một lượt khách.

+ Trong trường hợp khách đến đăng ký thuê phòng ngủ qua đêm (đã thanh toán tiền phòng) nhưng vì một lý do nào đó không ngủ lại đêm tại cơ sở thì người khách này vẫn được tính là khách có ngủ qua đêm.

+ Trường hợp khách đến thuê phòng của đơn vị này nhưng do hết phòng hoặc vì một lý do nào đó mà lại được đưa đến các đơn vị khác để thuê phòng thì tính là khách của đơn vị thực tế cho thuê phòng. Ví dụ: Đoàn khách có 5 người đến nghỉ tại khách sạn A nhưng vì khách sạn A đông khách nên chỉ xếp chỗ được cho 3 người và 2 người còn lại được khách sạn A gửi sang nghỉ tại khách sạn B thì số lượt khách được tính cho khách sạn A là 3 lượt khách; khách sạn B là 2 lượt khách.

*-**Số ngày khách phục vụ:* Là số ngày mà khách có ngủ lại qua đêm do các đơn vị lưu trú phục vụ. Chỉ tiêu này có thể tính được theo hai cách: (1) Nhân số lượng người với số ngày lưu lại của từng đoàn khách, sau đó tổng hợp chung trong kỳ; (2) Cộng số khách của tất cả các ngày trong kỳ báo cáo.

Tương tự như lượt khách, việc xác định ngày khách căn cứ vào chứng từ thanh toán của khách hàng. Ví dụ: Ông Nam đến khách sạn A nghỉ mặc dù chưa ngủ lại đêm ở khách sạn nhưng vì quá thời gian cho phép thuê ngày của khách sạn nên ông Nam vẫn phải trả tiền thuê phòng 1 ngày thì ông Nam vẫn được khách sạn A tính là khách có ngủ qua đêm và tính là 1 ngày khách.

Hai chỉ tiêu “Lượt khách phục vụ” và “Ngày khách phục vụ” được thống kê riêng đối với khách quốc tế (khách mang quốc tịch nước ngoài và Việt kiều) và khách trong nước.

***Lưu ý****:* Quan hệ giữa chỉ tiêu lượt khách và ngày khách trong các cơ sở lưu trú: Chỉ tiêu ngày khách phục vụ chỉ tính đối với khách ngủ qua đêm nên chỉ so sánh giữa lượt khách ngủ qua đêm với ngày khách phục vụ, vì vậy ngày khách phục vụ luôn lớn hơn hoặc bằng lượt khách ngủ qua đêm.

*-**Số ngày phòng/giường sử dụng trong năm:* Là tổng số ngày sử dụng phòng/giường của cơ sở lưu trú. Chỉ tiêu này chỉ áp dụng cho khách thuê nghỉ qua đêm. Nguồn số liệu để tổng hợp chỉ tiêu này căn cứ vào hoá đơn, chứng từ, bảng kê thanh toán với khách của kế toán hoặc sổ theo dõi khách đến, đi của bộ phận lễ tân ở khách sạn, nhà trọ và các cơ sở lưu trú khác để ghi cho thống nhất.

***Lưu ý:*** Trường hợp chỉ có 1 lượt khách nhưng thuê cả phòng có nhiều giường thì số ngày sử dụng giường của cơ sở đó sẽ là 1 nhân với tổng số giường của buồng đó. Như vậy, trong trường hợp này số ngày sử dụng giường sẽ lớn hơn số ngày khách. Ngược lại, đối với trường hợp chỉ có 1 giường nhưng vì một lý do nào đó khách sạn vẫn đồng ý cho 2 người thuê (hoặc trẻ em đi cùng) thì ở đó có 2 lượt khách nhưng số ngày sử dụng giường chỉ là 1 ngày giường. Trong trường hợp này thì số ngày sử dụng giường sẽ nhỏ hơn số ngày khách. Trường hợp thông thường nếu khách sạn không có giường đôi mà mỗi khách chỉ sử dụng một giường thì số ngày sử dụng giường sẽ bằng số ngày khách.

Quan hệ giữa các chỉ tiêu trong biểu phân loại chi tiết cơ sở lưu trú:

+ Số ngày sử dụng phòng/giường trong năm thường nhỏ hơn số phòng/giường có trong năm nhân với 365 ngày. Tuy nhiên, chỉ tiêu số phòng, giường có đến 31/12/2024 trong biểu là chỉ tiêu thời điểm nên so sánh này sẽ không áp dụng được đối với các cơ sở có sự biến động về số phòng (giường) trong năm (như xây thêm hoặc phá dỡ bớt phòng, giường).

+ Chỉ tiêu ngày khách phục vụ thường xoay quanh và chênh lệch không quá lớn so với chỉ tiêu số ngày sử dụng giường trong năm.

*- Giá phòng bình quân một lượt khách thuê trong ngày:* Chỉ tiêu này được tính bằng tổng doanh thu của khách thuê trong ngày trên tổng số lượt khách thuê trong ngày.

- *Số phòng có đến 31/12/2024*: Ghi tổng số phòng có tại thời điểm 31/12/2024 của đơn vị.

*- Số phòng tăng mới trong năm 2024*: Ghi tổng số phòng có thể sử dụng để cho khách thuê nghỉ của các cơ sở lưu trú mới tăng trong năm 2024.

Năng lực mới tăng của các đơn vị kinh doanh dịch vụ lưu trú được thể hiện qua các chỉ tiêu về số lượng cơ sở lưu trú, số buồng/phòng, số giường mới tăng trong năm, như: tăng về hạng sao, tăng mới do mở rộng quy mô cơ sở, tăng mới về số buồng/phòng, tăng mới về số giường (bao gồm thay thế và xây mới).

***Lưu ý:*** Không tính số buồng/phòng mà cơ sở lưu trú luôn dành riêng với mục đích cho người nước ngoài thuê để sinh sống hoặc cho các văn phòng nước ngoài thuê để làm việc.

***6. Lĩnh vực khác:*** Đề nghị đơn vị cung cấp cụ thể tên loại hình tổ chức của đơn vị (có thể ghi theo tên đơn vị).

**A1.8. Thông tin về cấu trúc của đơn vị**

Đơn vị lựa chọn “CÓ” hoặc “KHÔNG” đối với câu hỏi “Ngoài trụ sở chính, đơn vị có các địa điểm khác trực thuộc không?”. Các địa điểm trực thuộc đơn vị có thể là các chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm sản xuất kinh doanh có hình thức hạch toán kế toán phụ thuộc vào đơn vị (hình thức hạch toán ghi sổ/báo sổ).

**A2. THÔNG TIN VỀ LAO ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ**

Khái niệm người lao động: Người lao động là người làm việc cho người sử dụng lao động theo thỏa thuận, được trả lương và chịu sự quản lý, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động (theo khoản 1, Điều 3, Bộ Luật Lao động năm 2019).

Số lao động trong đơn vị phải bảo đảm theo khoản 4, Điều 5, Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Cụ thể như sau:

- Hội có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh có ít nhất một trăm công dân, tổ chức ở nhiều tỉnh có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

- Hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh có ít nhất năm mươi công dân, tổ chức trong tỉnh có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

- Hội có phạm vi hoạt động trong huyện có ít nhất hai mươi công dân, tổ chức trong huyện có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

- Hội có phạm vi hoạt động trong xã có ít nhất mười công dân, tổ chức trong xã có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội;

- Hiệp hội của các tổ chức kinh tế có hội viên là đại diện các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam, có phạm vi hoạt động cả nước có ít nhất mười một đại diện pháp nhân ở nhiều tỉnh; hiệp hội có phạm vi hoạt động trong tỉnh có ít nhất năm đại diện pháp nhân trong tỉnh cùng ngành nghề hoặc cùng lĩnh vực hoạt động có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hiệp hội.

**A2.1. Lao động có tại thời điểm 01/01/2024**

Ghi tổng số lao động tham gia vào hoạt động của đơn vị, được đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng và trả lương (bao gồm cả chủ/người đứng đầu đơn vị) tại thời điểm 01/01/2024.Trong đó, ghi riêng số lao động nữ của đơn vị.

Trường hợp lao động của đơn vị là kiêm nhiệm, đơn vị đó không chi trả
lương mà chỉ trả phần phụ cấp cho công việc kiêm nhiệm thì không được tính là
lao động của đơn vị.

Trường hợp người đứng đầu đơn vị là kiêm nhiệm, không được trả lương, chỉ hưởng phụ cấp thì chỉ kê khai thông tin tại mục A1.5 (Thông tin về người đứng đầu đơn vị) và không kê khai thông tin người này ở mục này (A2.Thông tin về lao động của đơn vị).

**A2.2. Lao động có tại thời điểm 31/12/2024**

**A2.2.1 Tổng số**

Ghi tổng số lao động tham gia vào hoạt động của đơn vị, được đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng và trả lương (kể cả chủ/người đứng đầu đơn vị) tại thời điểm 31/12/2024. Trong đó ghi cụ thể lần lượt số lao động là nữ, lao động là người nước ngoài, lao động được đóng bảo hiểm xã hội,lao động phụ trách công nghệ thông tin, lao động sử dụng máy tính thường xuyên cho công việc, lao động có trình độ từ kỹ sư công nghệ thông tin trở lên, lao động làm việc trong các lĩnh vực công nghệ số, công nghệ AI, điện toán dám mây, tự động hóa...

***Lưu ý:*** Đối với một số lao động đến thời điểm điều tra đang nghỉ thai sản, ốm đau hoặc đi làm cho các đơn vị khác theo những hợp đồng phụ nhưng vẫn được hưởng lương hoặc một phần lương của đơn vị thì vẫn được tính trong tổng số lao động của đơn vị.

**A2.2.2. Phân theo nhóm tuổi**

Căn cứ vào tuổi của người lao động của cơ sở tại thời điểm 31/12/2024 ghi số lao động tham gia vào hoạt dộng của đơn vị chia theo các nhóm tuổi quy định tại phiếu điều tra.

**A2.2.3. Phân theo trình độ chuyên môn**

Ghi số lao động lần lượt phân theo trình độ chuyên môn cao nhất mà lao động tại đơn vị đạt được.

***Lưu ý:***

Một người có thể đạt được một hoặc nhiều trình độ hoặc không đạt được trình độ nào.

Một người chỉ được xác định là có trình độ nào đó khi họ có bằng/chứng chỉ hoặc có quyết định công nhận đã đạt được trình độ đó. Ví dụ: Một người đã bảo vệ xong luận án tiến sĩ nhưng đang trong thời gian chờ xét duyệt để được lấy bằng, chưa có quyết định về việc được cấp bằng tiến sĩ, thì không xác định họ có bằng tiến sĩ.

Những người có bằng trung cấp nghề hoặc trung cấp chuyên nghiệp được xác định là có trình độ “Trung cấp”.

Những người có bằng cao đẳng nghề hoặc cao đẳng chuyên nghiệp được xác định là có trình độ “Cao đẳng”.

Những người có bằng lái xe ô tô được xác định là có trình độ “Sơ cấp”.

Người có trình độ “Hoàn thành sau tiến sĩ” là người được cấp chứng nhận hoàn thành Chương trình Nghiên cứu sau tiến sĩ.

Đối với người lái phương tiện thủy nội địa (ca nô, tàu thuyền…): Quy đổi trình độ tại câu này (theo Thông tư số 40/2019/TT-BGTVT ngày 15/10/2019 của Bộ Giao thông vận tải) như sau:

 Đối với người có Chứng chỉ chuyên môn “Chứng chỉ lái phương tiện (LPT)”: không quy đổi tương đương với trình độ “Sơ cấp”.

 Đối với người có Chứng chỉ chuyên môn “Chứng chỉ thủy thủ (TT)”, “Chứng chỉ thợ máy”, “Chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản”, “Chứng chỉ chuyên môn đặc biệt”, “Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hoặc máy trưởng”: Ghi nhận trình độ theo trình độ mà đối tượng điều tra đã đạt được từ trình độ “Sơ cấp trở lên”.

Nếu ĐTĐT được cấp bằng của các trường tôn giáo theo Hệ thống giáo dục quốc dân, ĐTV ghi nhận trình độ tương ứng. Những người tốt nghiệp Học viện Phật giáo được ghi nhận tương đương trình độ “Đại học”.

Trường hợp ĐTĐT học tập và lấy bằng tốt nghiệp nước ngoài, ĐTV ghi nhận trình độ tương ứng.

***Không được quy đổi tương đương đối với các trường hợp sau:***

Cán bộ đi học bồi dưỡng lý luận chính trị như: Sơ cấp chính trị, trung cấp chính trị, cao cấp chính trị (vì các trình độ này không nằm trong Hệ thống giáo dục quốc dân).

Bác sĩ chuyên khoa I, chuyên khoa II, bác sĩ nội trú không được quy đổi tương đương trình độ thạc sĩ hoặc tiến sĩ.

Người có bằng lái xe máy không được xác định là có trình độ “Sơ cấp”.

**A2.2.4 Lao động phân theo ngành y, dược**

Câu A2.2.4 chỉ hỏi đối với Câu A1.6 chọn mã 1 và A1.7 chọn mã 2 là lĩnh vực y tế.

Căn cứ vào công việc của lao động tại đơn vị, liệt kê số lao động thuộc chuyên ngành y hoặc dược của đơn vị theo các phân tổ cho phù hợp được quy định tại phiếu điều tra.

**A2.3. Lao động không được trả công, trả lương có tại thời điểm 31/12/2024**

Ghi tổng số lao động tham gia vào hoạt động của đơn vị, được đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng nhưng không được trả tiền công, tiền lương có tại thời điểm 31/12/2024.

**A2.4. Các khoản chi liên quan dến người lao động năm 2024**

- Tổng số tiền phải trả người lao động phát sinh trong năm

Ghi tổng số tiền phải trả người lao động phát sinh trong năm của đơn vị, được đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng và trả tiền công, tiền lương trong năm 2024 (bao gồm số lao động giao kết hợp đồng lao động từ 3 tháng trở lên).

- Tổng số tiền chi cho người lao động từ quỹ khen thưởng, phúc lợi (nếu có)

Ghi tổng số tiền chi cho người lao động được trích từ quỹ khen thưởng, phúc lợi của đơn vị trong năm 2024 như các khoản chi cho khen thưởng cuối tháng, cuối quý, cuối năm hay khen thưởng đột xuất, ...

- Đóng góp kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn

Ghi số tổng số tiền mà đơn vị đã chi nộp các khoản kinh phí và các loại bảo hiểm cho người lao động, trong đó ghi rõ kinh phí công đoàn là bao nhiêu.

**A3. THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN ĐƠN VỊ**

**A3.1.1. Tài sản đầu kỳ, cuối kỳ**

**Tổng tài sản**: ghi tổng tài sản đầu kỳ, cuối kỳ năm 2024

**Phân loại tài sản cố định**

*a) Đối với tài sản cố định hữu hình*

(1) Nhà cửa, vật kiến trúc: Là tài sản cố định của đơn vị được hình thành sau quá trình thi công xây dựng như trụ sở làm việc, nhà kho, hàng rào, tháp nước, sân bãi, các công trình trang trí cho nhà cửa, đường sá, cầu cống, đường sắt, đường băng sân bay, cầu tàu, cầu cảng, ụ triền đà.

(2) Máy móc, thiết bị: Là toàn bộ các loại máy móc, thiết bị dùng trong hoạt động kinh doanh của đơn vị như máy móc chuyên dùng, thiết bị công tác, giàn khoan trong lĩnh vực dầu khí, cần cẩu, dây truyền công nghệ, những máy móc đơn lẻ.

(3) Phương tiện vận tải, truyền dẫn: Là các loại phương tiện vận tải gồm phương tiện vận tải đường sắt, đường thuỷ, đường bộ, đường không, đường ống và các thiết bị truyền dẫn như hệ thống thông tin, hệ thống điện, đường ống nước, băng tải.

(4) Thiết bị, dụng cụ quản lý: Là những thiết bị, dụng cụ dùng trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh của đơn vị như máy vi tính phục vụ quản lý, thiết bị điện tử, thiết bị, dụng cụ đo lường, kiểm tra chất lượng, máy hút ẩm, hút bụi, chống mối mọt.

(5) Cây lâu năm, súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm: Là các vườn cây lâu năm như vườn cà phê, vườn chè, vườn cao su, vườn cây ăn quả, thảm cỏ, thảm cây xanh...; súc vật làm việc và/hoặc cho sản phẩm như đàn voi, đàn ngựa, đàn trâu, đàn bò…

(6) Tài sản cố định hữu hình khác: Là toàn bộ các tài sản cố định khác chưa liệt kê vào năm loại trên như tranh ảnh, tác phẩm nghệ thuật.

*b) Tài sản cố định vô hình*: Quyền sử dụng đất, quyền phát hành, bằng sáng chế phát minh, tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học, sản phẩm, kết quả của cuộc biểu diễn nghệ thuật, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hoá, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, bí mật kinh doanh, nhãn hiệu, tên thương mại và chỉ dẫn địa lý, giống cây trồng và vật liệu nhân giống.

**A3.1.2. Hàng tồn kho đầu kỳ, cuối kỳ?**

Hàng tồn kho của đơn vị bao gồm: các loại nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, phụ tùng thay thế sử dụng cho hoạt động của đơn vị và các loại sản phẩm, hàng hóa, chi phí SXKD, ...

Hàng tồn kho ghi hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2024 và thời điểm 01/01/2024.

**A3.2. Trong năm 2024, đơn vị có thực hiện đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ, nâng cấp, sửa chữa lớn TSCĐ** (bao gồm cả TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình) **không?**

Vốn đầu tư của đơn vị là số vốn mà thực tế đơn chi ra để tăng năng lực sản xuất kinh doanh của đơn vị. Vốn đầu tư của đơn vị bao gồm:

- Đầu tư xây dựng cơ bản (xây dựng trụ sở làm việc, xây dựng nhà xưởng sản xuất, kho tàng,…): Là toàn bộ vốn bỏ ra cho việc khảo sát quy hoạch xây dựng công trình, chuẩn bị đầu tư, thiết kế; chi xây dựng, mua sắm và lắp đặt thiết bị; các chi khác được ghi trong tổng dự toán (bao gồm cả tiền chuyển quyền sử dụng đất

- Mua sắm TSCĐ dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản: Là toàn bộ vốn bỏ ra để bổ sung thêm TSCĐ trong kỳ và không liên quan đến hoạt động xây dựng cơ bản, bao gồm cả TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và TSCĐ thuê tài chính, không tính giá trị mua TSCĐ là nhà cửa, vật kiến trúc.

- Sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định: Là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong kỳ cho công việc sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng TSCĐ của đơn vị (gồm chi phí phải thanh toán cho bên ngoài và chi phí cho phần đơn vị tự làm).

**A3.2.1. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ, nâng cấp, sửa chữa lớn TSCĐ trong năm 2024 (bao gồm cả TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình)?**

Đơn vị kê khai chi phí đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm TSCĐ, nâng cấp, sửa chữa lớn TSCĐ trong năm 2024 nếu Câu A3.2 chọn “Có”

A3.2.2 Trong đó: Đơn vị có tự thực hiện không?

**A3.3. Đơn vị cung cấp thông tin về các khoản thu nhập/chi chuyển nhượng một chiều, thu nhập và chi trả sở hữu trong năm 2024?**

Lãi tiền gửi, lãi từ đầu tư vào giấy tờ có giá như: cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu, các loại giấy tờ có giá và công cụ tài chính khác:

- Lãi tiền gửi: Là khoản tiền mà ngân hàng trả cho đơn vị gửi tiền dưới dạng lãi suất, khi đơn vị gửi tiền cho ngân hàng vay một khoản tiền trong một thời gian nhất định. Lãi suất có thể cố định hoặc thay đổi tùy thuộc vào thỏa thuận giữa ngân hàng và khách hàng.

- Lãi từ đầu tư vào cổ phần, cổ phiếu: Đây là khoản lãi mà đơn vị nhận được từ việc sở hữu cổ phiếu của công ty. Cổ phiếu là chứng khoán đại diện cho một phần sở hữu trong công ty

- Lãi từ trái phiếu: Trái phiếu là một loại chứng khoán nợ, khi đơn vị mua trái phiếu tức là bạn cho công ty hoặc chính phủ vay tiền, và họ sẽ trả lãi định kỳ (lãi suất trái phiếu) cho đơn vị. Sau khi hết thời gian phát hành, nhà đầu tư sẽ nhận lại gốc ban đầu.

- Lãi từ các công cụ tài chính khác: Các công cụ tài chính khác có thể là chứng chỉ quỹ, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng tương lai, hay các sản phẩm phái sinh. Lãi từ các công cụ này thường đến từ việc thay đổi giá trị của các công cụ tài chính đó trong quá trình giao dịch.

- Lợi nhuận về cho thuê, mướn, quyền sử dụng, bản quyền sáng chế, nhãn mác, quyền khai thác khoáng sản phục vụ cho quá trình sản xuất

Lợi nhuận từ việc cho thuê, mướn, quyền sử dụng, bản quyền sáng chế, nhãn mác, và quyền khai thác khoáng sản phục vụ cho quá trình sản xuất là các khoản thu nhập mà đơn vị nhận được hoặc chi trả từ việc cho phép người khác sử dụng tài sản, quyền lợi, hoặc tài nguyên của mình hoặc đơn vị thuê sử dụng từ các đơn vị hoặc tổ chức khác.

- Viện trợ, tài trợ, ủng hộ, cho, biếu, tặng…: Là số tiền hoặc tài sản, quà tặng quy đổi bằng tiền mà đơn vị nhận được từ tổ chức hoặc cá nhân (hay chi trả cho tổ chức hoặc cá nhân) như: viện trợ nhân đạo, tặng quà tình thương, quyên góp từ thiện …

- Bồi thường bảo hiểm từ các loại bảo hiểm phi nhân thọ

Là khoản tiền mà đơn vị bảo hiểm trả cho người tham gia bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, như tai nạn, thiệt hại tài sản, hoặc các rủi ro khác liên quan đến các loại bảo hiểm phi nhân thọ. Các loại bảo hiểm này không liên quan đến con người trực tiếp mà chủ yếu bảo vệ tài sản và các rủi ro khác ví dụ bảo hiểm cháy nổ, tài sản...

Đơn vị ghi số thu nhận được từ đơn vị bảo hiểm hoặc chi phí bồi thường dự phòng bảo hiểm gốc và nhượng tái bảo hiểm, giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm phát sinh (nếu có) trong kỳ báo cáo.

**A4. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA ĐƠN VỊ**

**A4.1. Doanh thu, chi phí hoạt động của đơn vị sự nghiệp ngoài công lập năm 2024***.*

Đối với các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập hạch toán kế toán theo hình thức kế toán doanh nghiệp (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014) hoặc chế độ kế toán khác (Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06 tháng 08 năm 2014), ... đơn vị sẽ ghi thông tin về doanh thu, chi phí hoạt động của đơn vị vào mục II "Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ".

***Lưu ý****:* Thông tin tại Mục này bao gồm doanh thu và chi phí của toàn bộ đơn vị, bao gồm cả các địa điểm SXKD và chi nhánh, văn phòng (ngoài trụ sở chính).

**I. Hoạt động sự nghiệp**

1. Doanh thu của đơn vị phản ánh số thu hoạt động của đơn vị bao gồm thu từ NSNN cấp, thu từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài và từ nguồn phí được khấu trừ, để lại.

a. Thu từ NSNN gồm:

- Thu thường xuyên: Phản ánh các khoản NSNN cấp cho đơn vị để thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên hoặc hỗ trợ đột xuất khác được tính là nguồn đảm bảo chi thường xuyên và các khoản NSNN cấp khác ngoài các nội dung nêu trên.

- Thu không thường xuyên: Phản ánh các khoản thu do NSNN cấp cho các nhiệm vụ không thường xuyên như kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (đối với đơn vị không phải là tổ chức khoa học công nghệ);

- Thu hoạt động khác: Phản ánh các khoản thu hoạt động khác phát sinh tại đơn vị được cơ quan có thẩm quyền giao dự toán (hoặc không giao dự toán) và yêu cầu phải báo cáo quyết toán theo Mục lục NSNN phần được để lại đơn vị.

b. Thu từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài phản ánh việc tiếp nhận, sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại hoặc nguồn vay nợ của nước ngoài do đơn vị làm chủ dự án.

c. Thu từ nguồn phí được khấu trừ, để lại phản ánh các khoản phí thu được từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị thực hiện mà đơn vị được khấu trừ, để lại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí.

2. Chi phí phản ánh các khoản chi mang tính chất hoạt động thường xuyên và không thường xuyên (kể cả chi từ nguồn tài trợ, biếu tặng nhỏ lẻ) theo dự toán chi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Việc phân loại chi thường xuyên, chi không thường xuyên được thực hiện theo quy định của cơ chế tài chính hiện hành.

Chi phí hoạt động đơn vị sự nghiệp ngoài công lập bao gồm các khoản chi từ nguồn NSNN cấp (thường xuyên và không thường xuyên), chi từ nguồn viện trợ, vay nợ nước ngoài, từ nguồn phí được khấu trừ, để lại và được chi tiết theo các nội dung chi:

- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên;

+ Trong đó: Chi cho giáo viên, giảng viên;

- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng;

- Chi phí hao mòn TSCĐ;

- Chi phí hoạt động khác;

Trong đó:

+ Chi tiền phụ cấp lưu trú, đi đường, tiền bồi dưỡng báo cáo viên trong hội nghị, tiền ăn trưa, ca ba; chi trang phục, bảo hộ lao động;

+ Chi sửa chữa lớn TSCĐ (chỉ ghi số liệu khi đơn vị không hạch toán làm tăng giá trị tài sản cố định);

+ Chi phí cước điện thoại internet, dịch vụ điện toán đám mây (iclound), trí tuệ nhân tạo AI;

+ Chi cho hoạt động dịch vụ logistic: Hoạt động dịch vụ logistic có thể là một hoặc nhiều hoạt động sau: nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hoá.

Trong đó:

- Chi phí thuê ngoài dịch vụ logistic (nếu có)

- Chi phí vận tải hàng hóa (chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa)

+ Chi cho hoạt động bảo vệ môi trường

3. Thặng dư/thâm hụt bằng doanh thu trừ chi phí.

**II. Hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ**

1. Doanh thugồm các khoản thu của hoạt động SXKD, dịch vụ như sau:

+ Các khoản doanh thu về bán sản phẩm, hàng hóa, ấn chỉ, cung cấp dịch vụ; khoản thu về các đề tài, dự án liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân;

+ Thu dịch vụ đào tạo; dịch vụ dạy nghề; dịch vụ y tế; dịch vụ văn hóa; dịch vụ thể thao và du lịch; dịch vụ thông tin, truyền thông và báo chí; dịch vụ khoa học và công nghệ; dịch vụ sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác;

+ Thu cho thuê tài sản (kể cả thu của các cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản cho sử dụng chung theo quy định của pháp luật);

+ Các khoản thu dịch vụ khác theo quy định của pháp luật (như dịch vụ gửi xe, cho thuê kiốt...).

Trong đó: Thu từ sản phẩm/dịch vụ số: Là các khoản thu từ các sản phẩm/dịch vụ được cung cấp qua Internet hoặc nền tảng kỹ thuật số khác.

2. Chi phí

2.1. Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán ra trong kỳ và hàng bán bị trả lại.

Trong đó, tách riêng trị giá vốn hàng chuyển bán đối với hoạt động thương mại.

2.2. Chi phí quản lý phản ánh các chi phí quản lý của hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gồm các chi phí về lương, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN của cán bộ quản lý bộ phận sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động; tiền thuê đất, lệ phí môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng, lệ phí giao thông, lệ phí cầu phà, chi phí phát sinh liên quan đến hàng bán trả lại...) của bộ phận sản xuất, kinh doanh, dịch vụ không phân bổ được trực tiếp vào từng sản phẩm, nhóm sản phẩm, dịch vụ, nhóm dịch vụ và chi phí khấu hao TSCĐ chỉ sử dụng cho bộ phận quản lý sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên;

+ Trong đó: chi cho giáo viên, giảng viên;

- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng;

- Chi phí hao mòn TSCĐ;

- Chi phí hoạt động khác;

Trong đó:

+ Chi tiền phụ cấp lưu trú, đi đường, tiền bồi dưỡng báo cáo viên trong hội nghị, tiền ăn trưa, ca ba; chi trang phục, bảo hộ lao động;

+ Chi sửa chữa lớn TSCĐ (chỉ ghi số liệu khi đơn vị không hạch toán làm tăng giá trị tài sản cố định);

+ Chi phí cước điện thoại internet, dịch vụ điện toán đám mây (iclound), trí tuệ nhân tạo AI;

+ Chi cho hoạt động dịch vụ logistic: Hoạt động dịch vụ logistic có thể là một hoặc nhiều hoạt động sau: nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hoá.

Trong đó:

- Chi phí thuê ngoài dịch vụ logistic (nếu có)

- Chi phí vận tải hàng hóa (chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa)

+ Chi cho hoạt động bảo vệ môi trường

3. Thặng dư/thâm hụt bằng doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh trừ chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

**III. Hoạt động tài chính**

1. Doanh thu phản ánh các khoản doanh thu của hoạt động tài chính như các khoản lãi; cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản thu tài chính khác phát sinh tại đơn vị.

2. Chi phí phản ánh những khoản chi phí tài chính bao gồm các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến ngân hàng như phí chuyển tiền, rút tiền (trừ phí chuyển tiền lương vào tài khoản cá nhân của người lao động trong đơn vị; phí chuyển tiền, rút tiền đã được tính vào chi hoạt động thường xuyên theo quy định của quy chế tài chính) và các khoản chi phí tài chính khác như: các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí góp vốn liên doanh, liên kết; lỗ chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản vốn góp liên doanh; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái; lỗ chuyển nhượng chứng khoán, chi phí giao dịch bán chứng khoán; chi phí đi vay vốn; chiết khấu thanh toán cho người mua; các khoản chi phí tài chính khác...

3. Thặng dư/thâm hụt bằng doanh thu tài chính trừ chi phí tài chính.

**IV. Hoạt động khác**

1. Doanh thu phản ánh các khoản thu nhập khác ngoài các khoản thu hoạt động do NSNN cấp; thu viện trợ, vay nợ nước ngoài; thu phí khấu trừ, để lại; thu hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; các khoản thu hộ... của đơn vị như thu nhập từ thanh lý tài sản, nhượng bán tài sản.

2. Chi phí phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các đơn vị như chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản, chênh lệch lỗ do đánh giá lại tài sản.

Trong đó: Chi viện trợ, tài trợ, ủng hộ, cho, biếu, tặng…

3. Thặng dư/thâm hụt bằng doanh thu trừ chi phí.

**A4.2. Doanh thu, chi phí hoạt động của đơn vị hiệp hội, tổ chức phi Chính phủ năm 2024**

Theo Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn đã quy định rõ kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc tự bảo đảm, ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các nhiệm vụ Nhà nước giao theo quy định của Chính phủ. Đối với các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp do địa phương quản lý, ngân sách địa phương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ nhà nước giao theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Đối với các Tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam: báo cáo của tổ chức phi chính phủ nước ngoài được quy định tại Điều 18 Nghị định 12/2012/NĐ-CP về đăng ký, quản lý hoạt động của tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

1. Tổng thu của đơn vị và được chi tiết theo các nội dung sau:

- Kinh phí nhà nước cấp để thực hiện nhiệm vụ do nhà nước giao;

- Các khoản đóng hội phí;

- Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ, tư vấn, thực hiện chương trình, dự án, đề tài và các hoạt động hợp pháp khác;

Trong đó: Thu từ sản phẩm/dịch vụ số

- Thu từ viện trợ, tài trợ, ủng hộ…

2. Tổng chi của đơn vị và được chi tiết theo các nội dung chi:

- Chi từ nguồn ngân sách nhà nước dùng để đối chiếu với nguồn kinh phí nhà nước giao (nếu có);

- Chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên;

- Chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng;

- Chi phí hao mòn TSCĐ;

- Chi phí hoạt động khác.

Trong đó:

+ Chi tiền phụ cấp lưu trú, đi đường, tiền bồi dưỡng báo cáo viên trong hội nghị, tiền ăn trưa, ca ba; chi trang phục, bảo hộ lao động;

+ Chi sửa chữa lớn TSCĐ (chỉ ghi số liệu khi đơn vị không hạch toán làm tăng giá trị tài sản cố định);

+ Chi phí cước điện thoại internet, dịch vụ điện toán đám mây (iclound), trí tuệ nhân tạo AI;

+ Chi cho hoạt động dịch vụ logistic: Hoạt động dịch vụ logistic có thể là một hoặc nhiều hoạt động sau: nhận hàng, vận chuyển, lưu kho, lưu bãi, làm thủ tục hải quan, các thủ tục giấy tờ khác, tư vấn khách hàng, đóng gói bao bì, ghi ký mã hiệu, giao hàng hoặc các dịch vụ khác có liên quan đến hàng hoá.

Trong đó:

- Chi phí thuê ngoài dịch vụ logistic (nếu có)

- Chi phí vận tải hàng hóa (chi phí vận chuyển, bốc xếp hàng hóa)

+ Chi cho hoạt động bảo vệ môi trường;

+ Chi viện trợ, tài trợ, ủng hộ, cho, biếu, tặng…

**A4.3. Các khoản nộp ngân sách nhà nước trong năm 2024**

Ghi tổng số các khoản phải nộp ngân sách nhà nước trong năm 2024 theo từng loại thuế hoặc các khoản lệ phí nếu có. Trong đó, chi tiết theo từng khoản như sau:

- Thuế giá trị gia tăng (bao gồm thuế VAT hàng nội địa và VAT hàng nhập khẩu)

- Thuế tiêu thụ đặc biệt (bao gồm cả thuế TTĐB hàng nội địa và TTĐB hàng nhập khẩu)

- Thuế xuất khẩu

- Thuế nhập khẩu

- Thuế tài nguyên

- Thuế bảo vệ môi trường

- Các khoản lệ phí (lệ phí đăng ký kinh doanh, lệ phí môn bài…) và thuế khác (thuế tự vệ, thuế chống trợ cấp, thuế chống bán phá giá, thuế sử dụng đất nông nghiệp…)

**A4.4. Thông tin về sản phẩm (vật chất và dịch vụ) của đơn vị trong năm 2024**

*Cột A - Mô tả nhóm sản phẩm (vật chất và dịch vụ) của đơn vị sản xuất ra; cột B - Mã sản phẩm (VCPA cấp 5):* Người cung cấp thông tin mô tả sản phẩm (ngắn gọn) và nhấn “tìm kiếm”, chương trình sẽ hiển thị mã ngành sản phẩm (cấp 5) tương ứng với mô tả, người cung cấp thông tin lựa chọn mã ngành sản phẩm phù hợp với đơn vị mình và nhấn “chọn”. Nhấn “thêm SP” để thêm sản phẩm của đơn vị.

Đối với đơn vị có nhiều hơn một ngành sản phẩm cấp 5, người cung cấp thông tin nhấn “thêm sản phẩm” và tiếp tục các thao tác tìm kiếm như trên để thêm các sản phẩm mới của đơn vị.

Sau khi hoàn thành việc lựa chọn ngành sản phẩm, đơn vị cung cấp thông tin về chi phí hoạt động/chi phí sản xuất kinh doanh đối với từng sản phẩm vừa được thêm.

*Cột 1 - Chi phí sản xuất kinh doanh (Triệu đồng)*bao gồm: Các chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho nhân viên; chi về vật tư, dụng cụ và dịch vụ đã sử dụng; chi về khấu hao/hao mòn TSCĐ cho các sản phẩm vật chất và dịch vụ của đơn vị theo từng sản phẩm vật chất tương ứng.

***Lưu ý:*** *Nếu đơn vị chỉ có một sản phẩm duy nhất theo mã sản phẩm VCPA cấp 5 thì sẽ không phải kê khai cột 1 và cột 2.*

*Cột 2, 3, 4 liên quan đến doanh thu từ "nguồn phí được khấu trừ, để lại" hoặc "hoạt động SXKD, DV" theo sản phẩm [....]:*

Tại cột 2: đề nghị ghi rõ doanh thu là bao nhiêu triệu đồng (nếu có)

Tại cột 4 với một số nội dung như sau:

1. Từ cung cấp các nền tảng trung gian (như Booking, Agoda, Traveloka …) và thu phí từ khách hàng sử dụng nền tảng đó: là doanh thu mà đơn vị cung cấp các nền tảng trực tuyến và thu phí từ nền tảng đó, nhưng loại trừ doanh thu thu được từ việc cung cấp các nền tảng trực tuyến của chính đơn vị. Những đơn vị sử dụng nền tảng trực tuyến để tương tác với khách hàng sẽ phải trả phí cho đơn vị cung cấp nền tảng.

2. Từ quảng cáo trực tuyến (như quảng cáo trên các nền tảng mạng xã hội, các trang báo điện tử,....): Là doanh thu thu được từ việc bán dữ liệu hoặc không gian quảng cáo trên các nền tảng truyền thông xã hội, công cụ tìm kiếm, nền tảng chia sẻ kiến thức.

3. Từ điện toán đám mây (như không gian lưu trữ trên google driver, icloud, ....): Là doanh thu thu được từ việc cung cấp dịch vụ điện toán đám mây trên một tập hợp các danh mục điện toán có thể truy cập một cách dễ dàng, linh hoạt hoặc theo nhu cầu của người sử dụng. Danh mục điện toán bao gồm đầy đủ các dịch vụ liên quan đến điện toán đám mây như: người tiêu dùng chỉ cần truy cập vào các ứng dụng của nhà cung cấp (phần mềm được coi là một dịch vụ); người tiêu dùng triển khai các ứng dụng của riêng họ trên cơ sở hạ tầng của nhà cung cấp (nền tảng được coi là một dịch vụ); và người tiêu dùng nắm quyền kiểm soát hoạt động hệ thống, lưu trữ và các ứng dụng đã triển khai (cơ sở hạ tầng được cọi là một dịch vụ).

4. Từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ qua Website, ứng dụng trực tuyến của chính đơn vị: Là doanh thu thu được từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ qua Website, ứng dụng trực tuyến của chính đơn vị.

5. Từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ qua các nền tảng trung gian (như Lazada, Shopee, Alibaba, Sendo, chotot, Amazon,...): Là doanh thu thu được từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ qua các nền tảng trung gian như Lazada, Shopee, Alibaba, Sendo, chotot, Amazon,...

**A4.4.1. Ngoài các sản phẩm nêu trên đơn vị còn các sản phẩm (vật chất và dịch vụ) khác không**?

Đơn vị bổ sung thêm sản phẩm thứ 2 trở lên vào câu A4.4 nếu chọn “Có”.

**A4.5. Trong năm 2024, đơn vị có cung cấp các sản phẩm, dịch vụ qua mạng internet đến khách hàng không?**

Sản phẩm/dịch vụ được đơn vị giao hàng và khách hàng nhận hàng đều qua mạng internet, nghĩa là những sản phẩm đơn vị giao phải được sử dụng trên môi trường số.

Ví dụ: Chị A mua một gói dich vụ xem phim/nghe nhạc,... qua ứng dụng Netflix/Youtube, ... và sử dụng trực tiếp sản phẩm/dịch vụ này trên mạng internet.

Ghi tổng số tiền thu được từ việc cung cấp sản phẩm/dịch vụ này.

A5. ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ HOẠT ĐỘNG ĐỔI MỚI, SÁNG TẠO

**A5.1. Trong năm 2024, đơn vị có sử dụng dịch vụ internet phục vụ cho hoạt động SXKD?**

Nếu đơn vị có sử dụng dịch vụ internet phục vụ cho hoạt động của đơn vị thì lựa chọn “Có” và tiếp tục trả lời câu A5.1.1. Trường hợp đơn vị không sử dụng internet, trả lời câu A5.1.2.

**A5.1.1. Mục đích sử dụng internet của đơn vị?**

Căn cứ vào mục đích sử dụng internet của đơn vị để lựa chọn phương án trả lời phù hợp: Sử dụng các dịch vụ công trực tuyến (kê khai thuế; nộp thuế… ); Tham gia thương mại điện tử (Shopee, Sendo, Tiki, Lazada…..) để bán hàng hóa/dịch vụ; Giao dịch với các cá nhân, tổ chức khác; Giới thiệu sản phẩm, tìm kiếm thị trường.

**A5.1.2. Đơn vị có sử dụng mạng LAN không?**

Mạng LAN là mạng máy tính nội bộ cho phép các máy tính kết nối với nhau để cùng làm việc và chia sẻ dữ liệu. Đơn vị căn cứ thực tế hoạt động của đơn vị để lựa chọn phương án trả lời phù hợp.

**A5.1.3. Đơn vị có cổng thông tin/trang thông tin điện tử riêng không?**

Trang thông tin điện tử của đơn vị là website cung cấp thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, hoạt động, dịch vụ, sản phẩm, ngành nghề phục vụ cho hoạt động của đơn vị.

Nếu đơn vị có cổng thông tin/trang thông tin điện tử riêng thì tích chọn “Có” và ghi địa chỉ truy cập.

**A5.1.4. Đơn vị có áp dụng biện pháp an toàn, an ninh mạng không?**

An toàn an ninh mạng là các biện pháp được thực hiện để bảo vệ hệ thống máy tính, mạng máy tính, dữ liệu, và thông tin trực tuyến khỏi sự xâm nhập, tấn công, và thiệt hại không mong muốn từ các mối đe dọa mạng. Các biện pháp an toàn, an ninh mạng phổ biến được sử dụng hiện nay bao gồm: Sử dụng phần mềm diệt virus; quản lý mật khẩu an toàn; xây dựng chính sách an toàn thông tin toàn diện; nâng cao hiểu biết cá nhân về bảo mật thông tin; xây dựng các lớp bảo mật cho hạ tầng mạng;….

Đơn vị kê khai tổng chi cho sử dụng biện pháp an toàn, an ning mạng nếu có.

**A5.2. Trong năm 2024 đơn vị có sử dụng phần mềm không?**

Phần mềm là chương trình máy tính được mô tả bằng hệ thống ký hiệu, mã hoặc ngôn ngữ để điều khiển thiết bị số thực hiện chức năng nhất định. Có những phần mềm tiêu biểu như: Hệ điều hành, hệ thống cơ sở dữ liệu, công cụ hoặc nền tảng, tiện ích và ứng dụng.

- Phần mềm thương mại gồm phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng, phần mềm tiện ích, phần mềm công cụ, phần mềm nhúng; được phát triển hoàn chỉnh, được đăng ký thương hiệu và nhân bản hàng loạt để cung cấp ra thị trường;

- Phần mềm nội bộ là phần mềm được phát triển, nâng cấp, chỉnh sửa theo các yêu cầu riêng của tổ chức hoặc người sử dụng nhằm đáp ứng yêu cầu đặc thù của tổ chức và được sử dụng trong nội bộ tổ chức đó;

**A5.2.1. Đơn vị có sử dụng nền tảng số (phần mềm) quản lý nội bộ, quản lý quan hệ khách hàng không?**

**A5.2.2. Đơn vị sử dụng các nền tảng số cho quản lý nội bộ, quản lý quan hệ khách hàng nào sau đây?**

Đơn vị được coi là sử dụng các nền tảng số cho quản lý nội bộ, quản lý quan hệ khách hàng khi đáp ứng các yêu cầu:

- Được triển khai chính thức và sử dụng thường xuyên;

- Có tính ổn định và được duy trì liên tục;

- Có khả năng tích hợp và xử lý dữ liệu;

- Đáp ứng các tiêu chuẩn về bảo mật thông tin.

Nếu đáp ứng đầy đủ các yêu cầu nói trên, đơn vị chọn “Có” sau đó chọn loại phần mềm đơn vị đã sử dụng trong năm 2024 ở câu A5.2.2.

**A5.2.3. Trong năm 2024, đơn vị có phát sinh các chi phí về công nghệ thông tin (CNTT) sau đây phục vụ cho SXKD không?**

Căn cứ tình hình hoạt động của đơn vị để lựa chọn có hay không phát sinh các chi phí về CNTT của đơn vị trong năm 2024. Trường hợp có phát sinh chi phí, kê khai số tiền đã chi trong năm 2024 tương ứng với từng lĩnh vực chi, bao gồm chi mua, thuê phần cứng, phần mềm, thuê đường internet, cước điện thoại và chi khác liên quan đến CNTT.

***Lưu ý:*** Trong trường hợp khi thực hiện hợp đồng mua sắm thiết bị máy tính, tại hợp đồng mua sắm có tách chi phí phần mềm hệ điều hành thì sẽ bóc tách chi phí phần mềm từ hợp đồng mua sắm. Trường hợp ghi chung một bộ máy tính, không bóc tách được chi phí phần mềm hệ điều hành thì chi phí đó không tính vào chi phí phần mềm.

**A5.3. Trong năm 2024, đơn vị có hoạt động đổi mới sáng tạo nào sau đây?**

Đơn vị căn cứ vào tình hình hoạt động trong năm 2024 để lựa chọn có hay không các hoạt động đổi mới sáng tạo.

Đổi mới sáng tạo (innovation) là việc tạo ra, ứng dụng thành tựu, giải pháp kỹ thuật, công nghệ, giải pháp quản lý để nâng cao hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm, hàng hóa.

Trường hợp đơn vị có các hoạt động đổi mới/cải tiến về sản phẩm, mô hình tổ chức hoạt động, quy trình sản xuất kinh doanh thì tích chọn “Có” vào hoạt động tương ứng và kê khai chi phí cho các hoạt động này.

Nghiên cứu và phát triển (R&D) là các hoạt động mà đơn vị thực hiện để đổi mới, cải thiện quy trình, dịch vụ, sản phẩm sẵn có hoặc để tạo ra những sản phẩm mới. Trường hợp đơn vị có hoạt động R&D trong năm 2024, kê khai mục 5.1 và mục 5.2.

**A5.4. Sau khi đổi mới/cải tiến quy trình, đơn vị đã tiết kiệm được bao nhiêu % trên tổng chi phí?**

Căn cứ vào tình hình hoạt động của đơn vị trong năm 2024 để lựa chọn phương án trả lời phù hợp. Trường hợp đơn vị trong năm 2024 có hoạt động đổi mới/cải tiến quy trình nhưng không hiệu quả, không làm giảm chi phí hoạt động của đơn vị thì chọn mã 4 “Không tiết kiệm chi phí”.

**A5.5. Trong năm 2024, đơn vị có sử dụng các ứng dụng thương mại điện tử để phục vụ hoạt động SXKD?**

Ứng dụng thương mại điện tử là ứng dụng cho phép các đơn vị không phải chủ sở hữu ứng dụng có thể tiến hành một phần hoặc toàn bộ quy trình mua bán hàng hóa, dịch vụ trên ứng dụng đó, ví dụ: Shopee, Lazada, Tiki, Sendo, Chotot, …

***Lưu ý:*** Không trả lời câu hỏi này nếu doanh thu và chi phí của đơn vị chỉ phát sinh từ hoạt động sự nghiệp.

**A5.6. Trong năm 2024, đơn vị có sử dụng các mạng truyền thông xã hội để phục vụ hoạt động SXKD?**

Mạng truyền thông xã hội là hệ thống thông tin cung cấp cho cộng đồng người sử dụng mạng các dịch vụ lưu trữ, cung cấp, sử dụng, tìm kiếm, chia sẻ và trao đổi thông tin với nhau. Các mạng xã hội phổ biến hiện nay: Facebook, Zalo, TikTok, YouTube, Instagram,…)

***Lưu ý:*** Không trả lời câu hỏi này nếu doanh thu và chi phí của đơn vị chỉ phát sinh từ hoạt động sự nghiệp.

**A5.7. Trong năm 2024, đơn vị có sử dụng/áp dụng các hoạt động nào dưới đây?**

Đơn vị căn cứ vào tình hình hoạt động trong năm 2024 để lựa chọn các hoạt động đơn vị đã sử dụng/áp dụng.

(1) Hệ thống tự động hóa (điều khiển tự động): Là việc sử dụng công nghệ để điều khiển các loại thiết bị, máy móc khác nhau mà không cần nhờ đến sự tác động trực tiếp của con người.

(2) Điện toán đám mây: Là mô hình cho phép sử dụng linh hoạt, có thể điều chỉnh, quản trị theo nhu cầu các tài nguyên điện toán dùng chung gồm mạng, máy chủ, thiết bị lưu trữ, ứng dụng.

(3) Sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hoặc máy học: Để được coi là sử dụng AI hoặc máy học, đơn vị cần triển khai một hoặc nhiều ứng dụng sau trong hoạt động thực tế: Nhận dạng và xử lý hình ảnh (sử dụng AI để phân tích hình ảnh, video như nhận diện khuôn mặt, kiểm tra chất lượng sản phẩm, giám sát an ninh tự động); Xử lý ngôn ngữ tự nhiên (ứng dụng chatbot tự động trả lời khách hàng, phân tích phản hồi khách hàng, dịch thuật tự động, hoặc tổng hợp tài liệu); Phân tích dự báo (sử dụng các mô hình máy học để dự đoán xu hướng bán hàng, hành vi khách hàng, nhu cầu thị trường, hoặc phát hiện gian lận); Tự động hóa quy trình (triển khai robot phần mềm (RPA) kết hợp AI để tự động hóa các quy trình công việc lặp đi lặp lại); Hỗ trợ ra quyết định (sử dụng AI để phân tích dữ liệu và đưa ra các gợi ý, khuyến nghị hỗ trợ việc ra quyết định)

Ngoài ra, yêu cầu công nghệ AI/máy học phải được tích hợp vào quy trình hoạt động thực tế; có quy trình rõ ràng để vận hành, duy trì hệ thống và làm tăng hiệu suất, giảm chi phí, cải thiện chất lượng dịch vụ của đơn vị.

(4) Áp dụng công nghệ Bigdata và phân tích dữ liệu: Được coi là áp dụng công nghệ Big Data và phân tích dữ liệu, đơn vị cần đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

- Có hệ thống và công cụ chuyên dụng để thu thập, lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn;

- Có quy trình được chuẩn hóa để thu thập dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau, làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu, thực hiện phân tích bằng các phương pháp thống kê và học máy, và chuyển đổi kết quả phân tích thành thông tin có giá trị;

- Có đội ngũ chuyên gia được đào tạo về khoa học dữ liệu, có khả năng vận hành các công cụ phân tích và giải thích kết quả, đảm bảo việc áp dụng kết quả phân tích vào thực tiễn một cách hiệu quả;

- Việc sử dụng kết quả phân tích dữ liệu trong các quyết định quan trọng (tối ưu hóa quy trình, cải thiện dịch vụ khách hàng, phát triển sản phẩm mới, hoặc quản lý rủi ro);

- Mang lại giá trị cụ thể và đo lường được cho tổ chức;

- Có chính sách và quy trình để đảm bảo việc thu thập, lưu trữ và sử dụng dữ liệu tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư.

(5) Xây dựng chiến lược chuyển đổi số: Chiến lược chuyển đổi số là kế hoạch dài hạn áp dụng các công nghệ kỹ thuật số để thay đổi cách thức đơn vị hoạt động, quản lý. Các loại chiến lược chuyển đổi số hiện nay: Tối ưu hóa quy trình nội bộ; Số hóa dữ liệu và phân tích thông tin; Chuyển đổi sản phẩm và dịch vụ; Chuyển đổi an ninh và bảo mật thông tin;…

 **A6. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG NĂNG LƯỢNG VÀ NGUYÊN VẬT LIỆU TÁI CHẾ**

**A6.1. Trong năm 2024, đơn vị sử dụng các loại năng lượng nào dưới đây để phục vụ cho hoạt động SXKD ?**

**1. Khối lượng mua vào**

Là lượng năng lượng đơn vị mua ngoài hoặc nhập khẩu phục vụ cho các hoạt động của đơn vị.

**2. Khối lượng năng lượng đầu vào dùng chuyển đổi sang năng lượng khác:**Là khối lượng năng lượng được sử dụng để tạo ra năng lượng khác. Ví dụ như than, khí dùng để chuyển đổi ra điện; dầu thô chuyển đổi ra xăng, dầu, LPG…

**3. Khối lượng năng lượng thu được từ quá trình sản xuất:** Là lượng năng lượng đơn vị thu được từ quá trình sản xuất, chuyển đổi năng lượng. Ví dụ như xăng, dầu thu được từ quá trình lọc dầu, nhiệt điện thu được từ quá trình điện than…

**Khối lượng tiêu dùng:** Là năng lượng được sử dụng cho quá trình sản xuất
kinh doanh, hoạt động của đơn vị. Cụ thể như sau:

***4. Khối lượng tiêu dùng cho vận tải :*** Là năng lượng sử dụng cho vận chuyển hàng hóa và sử dụng cho các máy móc chuyên dụng của đơn vị.

**5. Cho tiêu dùng cuối cùng (Hoạt động SXKD):** Là năng lượng được sử dụng cho quá trình sản xuất, kinh doanh hoạt động của đơn vị và năng lượng sử dụng cho vận chuyển hàng hoá trong nội bộ đơn vị.

**6. Tiêu dùng phi năng lượng:** Là năng lượng sử dụng phục vụ cho sản xuất kinh doanh của đơn vị nhưng không phải với mục đích là năng lượng, ví dụ như đơn vị sử dụng xăng cho vệ sinh máy móc, dầu dùng để bôi trơn...

**7. Giá trị năng lượng mua vào:** Là tổng số tiền đơn vị bỏ ra để mua các loại năng

**ĐỊNH NGHĨA CÁC LOẠI NHIÊN LIỆU**

**1. Điện**

***- Thủy điện:*** Thủy điện là việc sản xuất điện nhờ vào năng lượng nước tạo ra, năng lượng điện được tạo ra từ thế năng của nước được tích lại trên các đập.

***- Nhiệt điện than:*** Là hóa năng của nhiên liệu - than, biến thành nhiệt năng cấp nhiệt cho nước để biến thành hơi. Nước được đun nóng, chuyển thành hơi nước và quay một tua bin hơi nước và tua bin này tạo ra điện.

***- Nhiệt điện dầu:*** Là hóa năng của nhiên liệu - dầu, biến thành nhiệt năng cấp nhiệt cho nước để biến thành hơi. Nước được đun nóng, chuyển thành hơi nước và quay một tua bin hơi nước và tua bin này tạo ra điện.

***- Nhiệt điện khí:*** Là hóa năng của nhiên liệu - khí, biến thành nhiệt năng cấp nhiệt cho nước để biến thành hơi. Nước được đun nóng, chuyển thành hơi nước và quay một tua bin hơi nước và tua bin này tạo ra điện.

***- Điện gió:*** Là một nguồn năng lượng tái tạo từ sức gió.

***- Điện mặt trời:*** Là ứng dụng kỹ thuật biến đổi [ánh sáng mặt trời](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C3%81nh_s%C3%A1ng_M%E1%BA%B7t_Tr%E1%BB%9Di) trực tiếp thành điện năng nhờ [pin mặt trời](https://vi.wikipedia.org/wiki/Pin_M%E1%BA%B7t_Tr%E1%BB%9Di).

***- Điện sinh khối******(nhiên liệu sinh học):*** Là việc sử dụng sinh khối (biomass: rơm rạ, bã mía, vỏ, xơ bắp, lá khô, vụn gỗ) để sản xuất điện năng.

***- Nhiệt điện từ rác thải******(rác thải từ đô thị hoặc công nghiệp):***Nhiệt thừa trong quá trình đốt tiêu hủy rác sẽ được tận dụng để đun nóng nước, qua đó sinh hơi và chuyển sang tua bin để sản xuất ra điện năng.

**2. Than**

***- Than antracite (Antraxit):*** Than antraxit là loại than đá cứng có ánh bán kim loại và loại than này hàm lượng cacbon cao nhất, có ít tạp chất và cho năng lượng cao nhất trong tất cả các loại than.

***- Than khác:*** Gồm than đá (một loại than có màu đen hoặc nâu-đen. Than đá thường sẽ hiếm hơn than nâu và có ánh mờ. Than đá có tính chất rất giòn và khi được nung nóng sẽ có nhiệt độ từ 900 - 1100oC. Ở mức nhiệt độ này, than sẽ bị kết thành một loại cốc rắn chắc và xốp); Than nâu (là một khối đặc hoặc xốp, có màu nâu, ít khi có màu đen hoàn toàn và thường không có ánh. Than nâu có độ cứng kém, khả năng sinh nhiệt thấp và chứa nhiều tro. Ngoài ra, than nâu cũng có độ ẩm cao và thường có lưu huỳnh ở mức 1-2%, mức độ biến chất thấp); Than gầy (loại than này hoàn toàn sẽ không bị thiêu kết, không thành cốc mà sẽ có dạng bột với mức độ biến chất cao nhất cùng với antraxit. Than gầy được dùng chủ yếu để làm nhiên liệu trong nồi hơi và trong các nhà máy nhiệt điện); Than khí (là loại [than](https://lecvietnam.com/ket-noi-hang-hoa/than-4/) mang khả năng sản sinh ra một lượng lớn khí thắp, được sử dụng tương tự như than gầy).

**3. Xăng, dầu:**

***- Xăng ôtô, xe máy:*** Bao gồm cả xăng có pha chì và xăng không pha chì, loại cao cấp hoặc loại thông dụng, không bao gồm xăng máy bay.

***- Dầu Mazut (FO):*** Là loại nhiên liệu khí đốt cho các ngành công nghiệp đặc thù.

***- Dầu Diezel (DO):*** Là loại dầu nặng đ­ược sử dụng cho các động cơ đốt trong trong các động cơ diezel, cũng như­ làm nhiên liệu cho các hệ thống sản xuất hơi nóng hay các lò nung.

***- Dầu hoả:*** Là loại dầu sử dụng để thắp sáng và dùng cho các động cơ đốt cháy nhiên liệu bằng tia lửa điện, các loại xe tải nông nghiệp hay các động cơ hoạt động tĩnh. Các tên gọi khác cho loại sản phẩm này là dầu cháy, dầu bốc hơi, dầu năng lượng và dầu thắp sáng.

***- Dầu nhờn:*** Là loại dầu dùng để bôi trơn cho các động cơ.

***- Dầu khác:*** Các sản phẩm dầu khác ngoài các sản phẩm dầu trên

**4. LPG *(gas, khí hóa lỏng):*** Là chất hydrocacbon tồn tại ở dạng khí d­ưới điều kiện nhiệt độ và áp suất bình thường như­ng đ­ược hoá lỏng bằng cách nén hoặc làm lạnh để dễ dàng bảo quản trong kho, xách tay hay vận chuyển. LPG tồn tại trong thiên nhiên ở các mỏ dầu hoặc mỏ khí dầu và cũng có thể sản xuất ở các nhà máy lọc dầu trong quá trình chưng cất dầu thô.

**5. Khí**

***- Khí thiên nhiên:*** Là một loại khí không màu sắc, chủ yếu là chất mêtan, bao gồm khí khô, khí ướt.

Khí thiên nhiên được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho ngành hoá dầu để tạo ra các chất hoá dầu. Các chất hoá dầu này được sử dụng làm sản phẩm cơ sở cho việc sản xuất phân đạm, bột giặt, dược phẩm, chất dẻo và nhiều loại hàng hoá khác.

***- Khí đồng hành*:** Được tìm thấy cùng dầu thô, có thể ở dạng hoà lẫn với dầu thô hoặc tạo thành không gian phía trên lớp dầu thô trong mỏ dầu.

**6. Nhiên liệu sinh học**

***- Khí sinh học:*** Khí sinh học là nguồn năng lượng tái tạo sạch, dễ dàng kiểm soát từ chất thải hữu cơ, có thể thay thế củi đun và nhiên liệu hóa thạch như khí gas tự nhiên trong nhiều trường hợp.

***- Chất rắn sinh học:*** Chất thải rắn sinh hoạt là tên gọi chung cho những loại chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt hằng ngày của con người. Chất thải rắn bao gồm cả thành phần vô cơ và hữu cơ như thực phẩm, thức ăn thừa, bao bì ni lông, hộp nhựa, vỏ chai, thủy tinh, bìa carton, gỗ, giấy…

***- Chất lỏng sinh học:*** Chất lỏng sinh học là nhiên liệu lỏng được làm từ sinh khối cho mục đích năng lượng khác ngoài vận tải (tức là sưởi ấm và điện)

**7. Khác:** rác thải, trấu, bã mía,…(chỉ sử dụng cho mục đích sản xuất năng lượng).

**A6.2. Trong năm 2024, đơn vị có sử dụng năng lượng tái tạo không?**

**Năng lượng tái tạo** là dạng năng lượng được tạo ra từ các nguồn được hình thành liên tục và gần như vô hạn gồm: Mặt trời, thủy triều, gió, mưa… Được xem như nguồn năng lượng sạch hoàn toàn hay năng lượng tái sinh, trái ngược hoàn toàn với năng lượng hóa thạch.

**Năng lượng mặt trời:** Đây là nguồn năng lượng sạch phổ biến nhất. Từ nguồn năng lượng mặt trời, con người có thể khai thác nhiều công nghệ hiện đại như: Quang điện, quang hợp nhân tạo, sưởi ấm…

**Năng lượng gió:** Tương tự như năng lượng mặt trời, nguồn năng lượng gió đóng vai trò không kém phần quan trọng. Năng lượng gió được tạo ra từ sức gió thông qua các tuabin. Các tuabin gió thường có quy mô lớn, công suất dao động từ 600kW đến 9MW. Tốc độ gió tăng sẽ làm nguồn điện tăng theo giúp tuabin gió đạt được công suất tối đa.

**Thủy điện:**Nguồn năng lượng này sạch hoàn toàn và được sử dụng ở nhiều quốc gia. Thủy điện hoạt động bằng cách dựa vào sức nước trong những dòng chảy có tốc độ nhanh, thiết lập tuabin máy phát điện. Mặc dù vậy nhưng một số ý kiến khác cho rằng các đập, công trình thủy điện lại không được coi là năng lượng tái tạo. Bởi vì để xây dựng đập thủy điện, người ta cần phải chặt bỏ một lượng lớn rừng, gây ảnh hưởng đến đời sống của các loài động vật hoang dã, chim chóc và côn trùng. Bên cạnh đó, các đập, công trình thủy điện còn gây nên những tác động tiêu cực khác như tình trạng ngập nước, các tác động đến hệ sinh thái sông và đất canh tác. Nhiều dự án và nghiên cứu gần đây cho thấy thủy điện là một trong những nguồn phát thải khí nhà kính cao.

**Pin nhiên liệu hydro, nhiên liệu đốt hydrogen:** Nhiên liệu hydrogen hiện được sử dụng trong pin nhiên liệu hydro, đem đến nguồn năng lượng cho động cơ điện tựa như pin lưu trữ điện. Nguồn nhiên liệu được ứng dụng cho những loại xe chạy bằng hơi nước.

**A6.3. Đơn vị có sử dụng năng lượng tái tạo nào dưới đây?**

Đơn vị chọn các loại năng lượng tái tạo phù hợp

**A6.4. Đơn vị có sử dụng nguyên vật liệu tái chế trong hoạt động SXKD?**

Vật liệu tái chế là những nguyên liệu và sản phẩm đã qua sử dụng, được thu gom và xử lý để có thể sử dụng lại trong các sản phẩm mới. Đây là một giải pháp giảm thiểu rác thải và tiết kiệm tài nguyên tự nhiên, góp phần quan trọng trong bảo vệ môi trường

Một số loại vật liệu tái chế phổ biến: ống hút, lọ thủy tinh, thảm, chậu hoa, phụ kiện kim loại,..

**B. THÔNG TIN VỀ TRỤ SỞ CHÍNH VÀ CÁC ĐỊA ĐIỂM TRỰC THUỘC CỦA ĐƠN VỊ**

**B1. Đơn vị vui lòng kê khai thông tin về trụ sở chính và các địa điểm trực thuộc đơn vị**

Trường hợp đơn vị là đa cơ sở (Mục A1.8 chọn “CÓ”), chương trình sẽ hiển thị Mục B1 để đơn vị cung cấp thông tin về trụ sở chính và các địa điểm trực thuộc của đơn vị.

Thông tin được bổ sung ở đây bao gồm trụ sở chính (văn phòng) của đơn vị và các địa điểm trực thuộc đơn vị có hình thức hạch toán kế toán phụ thuộc vào chính đơn vị (hạch toán báo sổ/ghi sổ). Các địa điểm trực thuộc có thể là các chi nhánh, văn phòng đại diện và các địa điểm sản xuất kinh doanh khác...

Đơn vị cung cấp thông tin về trụ sở chính và các địa điểm trực thuộc của đơn vị bao gồm:

**(1) Mã số cơ sở:** Chương trình sẽ mặc định xác định mã số của trụ sở chính và các địa điểm trực thuộc (ngoài trụ sở chính).

**(2) Tên trụ sở chính và các địa điểm trực thuộc**

***\* Đối với trụ sở chính***

- Tên và địa chỉ: Sẽ hiển thị mặc định theo thông tin đơn vị đã kê khai tại Mục A1.

- Số lao động bình quân năm 2024 được tính bằng tổng số lao động được trả lương các tháng chia cho 12 tháng. Số lao động bình quân năm 2024 sẽ được tính cho trụ sở chính và các địa điểm trực thuộc của đơn vị.

**-** Thông tin về sản phẩm (vật chất và dịch vụ) của đơn vị sản xuất ra năm 2024:

+ Đơn vị sẽ liệt kê chi tiết và mô tả tất cả các sản phẩm vật chất và dịch vụ của trụ sở chính thực hiện trong năm 2024. Trụ sở chính của đơn vị có thể sản xuất một hoặc nhiều sản phẩm khác nhau.

**+** Chọn “Mã SP” để tìm kiếm mã ngành sản phẩm cấp 5 (VCPA 2018) tương ứng.

**+** Chi phí hoạt động/Chi phí sản xuất kinh doanh gồm toàn bộ các khoản chi phí tiền lương, tiền công và các khoản chi khác cho nhân viên; chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ đã sử dụng; chi phí hao mòn/khấu hao tài sản cố định để tạo ra sản phẩm tương ứng.

Trường hợp đơn vị có nhiều hơn 01 mã sản phẩm cấp 5, chọn “Thêm SP” để cung cấp thông tin về sản phẩm.

***Lưu ý:*** *Đối với các đơn vị sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng, việc xác định địa điểm trực thuộc theo cả công trình thi công trên địa bàn do đơn vị thực hiện.*

***\* Đối với các địa điểm khác (ngoài trụ sở chính)***

Đơn vị kê khai tên địa điểm và địa chỉ gắn với địa điểm.

Các chỉ tiêu của địa điểm khác (ngoài trụ sở chính): Kê khai tương tự như trụ sở chính.

**B2. Đơn vị có địa điểm trực thuộc khác chưa được liệt kê ở trên không**?

Bổ sung thêm thông tin của địa điểm khác vào mục B1 nếu chọn “Có”.

**Phần thông tin người trả lời phiếu:** Ghi rõ họ và tên, số điện thoại, email người cung cấp thông tin.